

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B **Phòng thi:** B1.402

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 17/4/2021

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0061	Nguyễn Thị	Ánh	25/07/1999				
2	TA0062	Nguyễn Trung	Hiếu	06/04/1999				
3	TA0063	Nguyễn Văn	Duy	12/06/1999				
4	TA0064	Đỗ Đức	Kiên	24/03/1999				
5	TA0065	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/12/1999				
6	TA0066	Nguyễn Quang Ninh	Anh	25/05/1999				
7	TA0067	Nguyễn Thị Minh	Hằng	1/1/1999				
8	TA0068	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/06/1999				
9	TA0069	Trần Thị	Tuyết	01/11/1998				
10	TA0070	Nguyễn Hải	Yến	3/2/1999				
11	TA0071	Vũ Thị	Thảo	05/01/1999				
12	TA0072	Trần Đức	Thắng	29/08/1999				
13	TA0073	Nguyễn Ngọc	Diệp	31/08/1999				
14	TA0074	Phạm Tú	Uyên	15/7/1999				
15	TA0075	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999				
16	TA0076	Nguyễn Thị	Thắm	01/04/1999				
17	TA0077	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999				
18	TA0078	Nguyễn Thị Tú	Uyên	05/02/1999				
19	TA0079	Lê Quý	Hòa	18/05/1999				
20	TA0080	Nguyễn Hồng	Nhung	21/08/1999				
21	TA0081	Đặng Anh	Thư	02/09/1999				
22	TA0082	Phạm Thị Như	Quỳnh	10/10/1999				
23	TA0083	Đoàn Thị Hương	Giang	14/11/1999				
24	TA0084	Nguyễn Thuý	Đào	29/06/1999				
25	TA0085	Lê Thị Ngọc	Yến	06/01/1999				
26	TA0086	Vũ Minh	Tuyến	1/10/1999				
27	TA0087	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/01/1999				
28	TA0088	Bùi Quang	Thành	22/07/1999				
29	TA0089	Trần Tiến	Đạt	06/08/1999				
30	TA0090	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2/9/1999				
31	TA0091	Đỗ Thị	Anh	21/05/1999				
32	TA0092	Nguyễn Diệu	Thanh	07/10/1999				

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
33	TA0093	Phạm Hoàng Thu	Thảo	31/05/1999				
34	TA0094	Trịnh Lê Giáng	Ngọc	25/11/0099				
35	TA0095	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/07/1999				
36	TA0096	Kiều Đình	Sơn	15/02/1999				
37	TA0097	Trần Thu	Trang	26/10/1999				
38	TA0098	Trần Quỳnh	Giang	03/10/1999				
39	TA0099	Vì Thị Thanh	Hương	09/01/1999				
40	TA0100	Lưu Hoàng	Hà	28/12/1999				
41	TA0101	Trần Hoài	Nam	15/06/1999				
42	TA0102	Trần Kim	Xuân	21/08/1999				
43	TA0103	Nguyễn Văn	Chiến	13/02/1999				
44	TA0104	Trương Thị Thu	Hường	15/01/1999				
45	TA0105	Nguyễn Thị	Mai	08/09/1999				
46	TA0106	Nguyễn Đức	Hà	11/06/1999				
47	TA0107	Đỗ Trọng	Tiến	22/01/2000				
48	TA0108	Lê Hoàng Hạnh	Nguyên	23/07/1999				
49	TA0109	Phạm Tiến	Thành	02/01/1999				
50	TA0110	Nguyễn Ngọc	Khánh	03/08/2000				
51	TA0111	Trần Nhật	Mai	30/12/1999				
52	TA0112	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/04/1998				
53	TA0113	Đoàn Thị	Thoan	10/12/1999				
54	TA0114	Nguyễn Thị	Phương	16/10/1999				
55	TA0115	Đinh Thị Như	Phương	16/09/1999				
56	TA0116	Tạ Việt	Chinh	01/04/1999				
57	TA0117	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/11/1999				
58	TA0118	Nguyễn Thanh	Phong	09/03/1999				
59	TA0119	Nguyễn Quốc	Huy	11/08/1999				
60	TA0120	Lò Thuý	Trang	15/01/1999				
61	TA0121	Hoàng Anh	Việt	23/10/1999				
62	TA0122	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/08/1999				
63	TA0123	Lương Việt	Cường	15/06/1999				
64	TA0124	Cao Thị Khánh	Linh	24/09/1999				
65	TA0125	Trương Minh	Nhật	3/4/2000				
66	TA0126	Công Thị Minh	Trang	21/10/1999				
67	TA0127	Lê Vân	Anh	15/01/1999				
68	TA0128	Nguyễn Ngọc	Lê	9/5/1999				
69	TA0129	Lê Nhật	Linh	14/6/1999				
70	TA0130	Trịnh Thị	Duyên	19/8/1998				
71	TA0131	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/8/1999				

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
72	TA0132	Đỗ Thị	Trang	6/8/1999				
73	TA0133	Lại Đức	Trung	28/01/1999				
74	TA0134	Phạm Quỳnh	Trang	11/9/1999				
75	TA0135	Dương Hoàng	Linh	26/3/1997				
76	TA0136	Nguyễn Quốc	Hùng	7/7/1990				
77	TA0137	Đỗ Đức	Cường	28/3/1987				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)